

Môn thi: Tiếng Hàn CLC1-2

Mã môn học: FLF1707\*\*\*

Ngày thi: 03.08.2022

Ca thi: 1

Phòng thi: 1 (202B2)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	21040002	Nguyễn Thảo An	28/07/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
2	21040992	Lương Tú Anh	13/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
3	20040233	Trần Minh Ngọc Anh	16/11/2002	QH.2020.F.1.E7.NN23			
4	21040810	Lê Bảo Châu	04/02/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
5	19040790	Trần Thị Linh Chi	27/04/2001	QH2019.F.1.E16.NN23			
6	20040256	Nông Kiều Diễm	19/02/2002	QH.2020.F.1.E11.NN23			
7	21040843	Nguyễn Thu Hà	22/05/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
8	21040853	Trần Thu Hằng	05/08/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
9	21040553	Hoàng Thúy Hiền	09/08/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
10	21040857	Hà Quang Hiếu	10/12/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
11	21040861	Nguyễn Thị Hồng Huệ	09/05/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
12	21040871	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22/10/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
13	21040879	Lê Nguyễn Phi Lê	02/10/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
14	21040186	Hoàng Khánh Linh	24/11/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
15	21040887	Nguyễn Hà Gia Linh	28/11/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
16	21041034	Lê Phương Mai	30/06/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
17	21041040	Nguyễn Hồng Ngọc	10/11/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
18	21040924	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	01/04/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
19	21040928	Bùi Bích Phương	29/01/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
20	21040931	Phan Thị Phương Phương	25/08/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
21	21040331	Trần Thị Anh Thơ	11/05/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
22	21040958	Nguyễn Thanh Trà	23/12/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
23	21040970	Đàm Ngọc Trí	21/01/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
24	21040501	Nguyễn Ngân Anh	18/01/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
25	21041000	Phùng Huyền Anh	12/02/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
26	20040234	Trần Thị Lan Anh	26/10/2002	QH.2020.F.1.E8.NN23			
27	21040245	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/04/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
28	21040807	Phan Thị Ngọc Ánh	11/08/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
29	20040247	Đậu Thị Thảo Chi	06/06/2002	QH.2020.F.1.E4.NN23			
30	21040314	Lê Quỳnh Chi	11/07/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
31	21040322	Nguyễn Hà Chi	25/11/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
32	20041396	Triệu Quỳnh Chuyên	20/09/2002	QH.2020.F.1.E11.NN23			
33	19040802	Nguyễn Đức Duy	25/07/2001	QH2019.F.1.E14.NN23			
34	21040548	Nguyễn Thái Dương	26/06/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			

35	20040423	Trịnh Thị Hằng	28/10/2002	QH.2020.F.1.E13.NN23			
36	20041418	Hồ Đức Hoàng	22/10/2002	QH.2020.F.1.E6.NN23			
37	21040869	Lâm Phương Huyền	23/04/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
38	21040874	Nguyễn Thu Hương	11/06/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
39	20040047	Đoàn Phương Linh	10/01/2002	QH.2020.F.1.E21.SPCLC			
40	21040627	Nguyễn Hoài Linh	26/05/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
41	21040575	Nguyễn Khánh Linh	12/05/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
42	21040291	Nguyễn Lê Hà Linh	16/01/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
43	20040688	Nguyễn Thùy Linh	15/02/2002	QH.2020.F.1.E5.NN23			
44	20040404	Đào Thị Nga	05/09/2002	QH.2020.F.1.E10.NN23			
45	21040914	Kiều Thanh Nga	10/07/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			

Danh sách này có: 45 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày                      tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI**  
**HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

**Môn thi: Tiếng Hàn CLC1-2**  
**Ngày thi: 03.08.2022**

**Mã môn học: FLF1707\*\*\***  
**Ca thi: 1**

**Phòng thi: 2 (210B2)**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	20040411	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/08/2002	QH.2020.F.1.E3.NN23			
2	21040345	Đỗ Minh Ngọc	08/01/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
3	21040298	Trần Đỗ Hồng Ngọc	29/08/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
4	21040189	Nguyễn Thị Mai Phương	24/11/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
5	21040930	Nguyễn Xuân Phương	26/03/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
6	21041055	Lù Minh Tâm	27/08/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
7	21040941	Nguyễn Thị Phương Thanh	28/06/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
8	20041146	Phan Phương Thảo	02/02/2002	QH.2020.F.1.E6.NN23			
9	21040581	Nguyễn Anh Thơ	15/09/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
10	21041065	Lưu Thị Thu Thủy	01/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
11	20040488	Đặng Thu Trang	30/08/2002	QH.2020.F.1.E4.NN23			
12	20040497	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/02/2002	QH.2020.F.1.E12.NN23			
13	21040655	Thân Thùy Trang	12/06/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
14	20041317	Nguyễn Thị Minh Tú	27/07/2002	QH.2020.F.1.E5.NN23			
15	20041473	Hà Thị Ánh Tuyết	17/07/2002	QH.2020.F.1.E10.NN23			
16	21040979	Nguyễn Thị Hà Uyên	15/11/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
17	20040519	Nguyễn Thị Thảo Vân	30/04/2002	QH.2020.F.1.E4.NN23			
18	20040128	Bùi Thế Vinh	12/07/2002	QH.2020.F.1.E21.SPCLC			
19	21040780	Hà Minh Anh	10/05/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
20	21040521	Ngô Thị Lan Anh	26/06/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
21	21040330	Nguyễn Phương Chi	20/10/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
22	21040095	Đặng Kim Duyên	05/04/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
23	21040033	Đỗ Hương Giang	10/11/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
24	21040836	Nguyễn Hương Giang	21/04/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
25	21040344	Lê Vũ Hà	04/02/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
26	21040846	Phạm Thu Hà	10/05/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
27	21041010	Bùi Thị Hạnh	16/09/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
28	21040854	Đoàn Thu Hiền	13/10/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
29	21040870	Nguyễn Phương Huyền	24/06/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
30	20041422	Phạm Thị Huyền	19/06/2001	QH.2020.F.1.E4.NN23			
31	21040610	Đoàn Diệu Linh	10/11/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
32	21041027	Nguyễn Phan Ngọc Linh	15/05/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
33	21041030	Trần Hà Linh	27/08/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
34	21040223	Hoàng Ngọc Mai	06/08/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
35	21040658	Nguyễn Tuấn Minh	19/06/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
36	20040403	Phạm Hương Nam	15/06/2002	QH.2020.F.1.E9.NN23			
37	21041037	Nguyễn Thị Thu Ngân	12/02/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
38	21040343	Nguyễn Bích Ngọc	21/03/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
39	21040222	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	17/06/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			

40	21041047	Hoàng Thu Phương	25/07/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
41	21040147	Nguyễn Hà Phương	17/05/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
42	20040440	Nguyễn Nam Phương	10/01/2002	QH.2020.F.1.E1.NN23			
43	20040456	Nguyễn Thị Minh Thành	24/06/2002	QH.2020.F.1.E1.NN23			
44	20041456	Phạm Thị Phương Thảo	25/09/2002	QH.2020.F.1.E10.NN23			
45	21040950	Vì Thị Thảo	14/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			

Danh sách này có: 45 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

**Môn thi: Tiếng Hàn CLC1-2**

**Mã môn học: FLF1707\*\*\***

**Ngày thi: 03.08.2022**

**Ca thi: 1**

**Phòng thi: 3 (211B2)**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	20041164	Nguyễn Cẩm Thi	15/10/2002	QH.2020.F.1.E10.NN23			

2	21040525	Hoàng Minh Thu	01/04/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
3	21040121	Đinh Nguyễn Anh Thư	13/11/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
4	21040417	Đỗ Nguyễn Hà Trang	13/08/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
5	21040964	Nguyễn Minh Trang	08/08/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
6	21040968	Nguyễn Thị Thu Trang	16/07/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
7	21041075	Nguyễn Thùy Trang	21/04/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
8	21041751	Tạ Thị Uyên	05/08/2002	QH.2021.F.1.E13.NN23			
9	21040987	Đinh Thu Yên	20/04/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
10	21040652	Lại Thị Hải Yên	22/02/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
11	20040037	Đặng Thị Hồng Anh	21/07/2002	QH2019.F.1.E25.NN23			
12	20040208	Đỗ Thị Phương Anh	17/12/2002	QH.2020.F.1.E12.NN23			
13	21040779	Hồ Thị Cẩm Anh	16/12/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
14	21040789	Nguyễn Lan Anh	24/01/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
15	21040791	Nguyễn Ngọc Anh	22/08/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
16	20040224	Nguyễn Thị Lan Anh	03/04/2002	QH.2020.F.1.E12.NN23			
17	21040797	Nguyễn Trần Phương Anh	10/11/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
18	21040798	Nguyễn Văn Anh	16/09/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
19	21040127	Trần Hải Anh	14/11/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
20	21040059	Hoàng Nguyệt Ánh	11/03/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
21	21040812	Hoàng Thị Kim Chi	06/06/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
22	21040549	Nguyễn Yến Chi	03/06/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
23	21040830	Đào Công Đức	25/08/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
24	21040459	Nguyễn Hương Giang	29/09/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
25	21040334	Nguyễn Thu Giang	26/05/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
26	21040842	Nguyễn Phương Hà	03/09/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
27	21040852	Nguyễn Thị Minh Hằng	19/11/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
28	21040864	Hoàng Quốc Huy	27/12/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
29	21040890	Nguyễn Thị Phương Linh	15/11/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
30	21040894	Phùng Thị Thùy Linh	17/05/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
31	21040648	Tạ Thị Loan	21/03/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
32	20040380	Đỗ Thùy Ly	02/08/2002	QH.2020.F.1.E3.NN23			
33	21040905	Nguyễn Thị Thanh Mai	07/06/2001	QH.2021.F.1.E9.NN23			
34	21040910	Nguyễn Đình Nhật Minh	07/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
35	21040913	Hà Thị Quỳnh Nga	27/07/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
36	21040540	Đỗ Thu Ngân	26/10/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
37	21041038	Đỗ Thị Thu Ngọc	13/12/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
38	21040390	Ngô Minh Ngọc	10/08/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
39	21041051	Phạm Thị Như Quỳnh	10/06/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
40	21040939	Võ Thanh Quỳnh	10/07/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
41	20041134	Nguyễn Phương Thảo	10/03/2002	QH2019.F.1.E25.NN23			
42	21041064	Trần Thị Hương Thu	20/08/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
43	21040220	Phạm Phương Thuý	11/09/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
44	21040977	Đào Nhã Uyên	08/04/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
45	21040985	Phạm Hải Vy	28/02/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			

Danh sách này có: 45 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**